

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG P
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2022

Về việc: "L1 hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG P, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tòa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Thành

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST- HN&GD ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc "L1 hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Ông Huỳnh L, sinh năm 1976(Xin vắng mặt).*

Trú tại: Tổ 3, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

** Bị đơn: Bà Lê Thị L1 L1, sinh năm 1985(vắng mặt).*

Trú tại: Tổ 3, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2021 và quá trình làm việc nguyên đơn ông Huỳnh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh L L và bà Lê Thị L1 L1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận P vào năm 2005. Sau khi kết hôn thì hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không đạt được, đã L1 thân từ năm 2016 cho đến nay và chị L1 đã bỏ đi từ năm 2016 đến nay không về, không ai còn quan tâm đến ai cả, mặc dù ông L đã tìm kiếm tại nhiều nơi và tìm kiếm những người thân thích của bà L1 nhưng vẫn không có tin tức của bà L1. Do đó ông L yêu cầu Tòa L1 hôn với bà L1.

Về con chung: Quá trình chung sống ông L và bà L1 có 02 người con chung là Huỳnh Lê T, sinh ngày 08/12/2006 và Huỳnh Lê L D, sinh ngày 29/01/2012. Hiện nay các cháu đang ở với ông L do đó ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con

chung và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bản việc nên ông L xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị L1 L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục nhận đơn và thụ lý giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quá trình việc, bị đơn ông Thượng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông L và bị đơn bà L1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận P vào năm 2005 đây là cuộc hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà L1 đã bỏ đi từ năm 2016, Tòa án đã Thông báo tìm kiếm nhưng không có kết quả, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu L1 hôn của ông L.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung ông L và bà L1 có 02 người con chung Huỳnh Lê T, sinh ngày 08/12/2006 và Huỳnh Lê L D, sinh ngày 29/01/2012, các con đều có nguyện vọng được ở với ông L, hiện nay bà L1 đã bỏ đi khỏi địa phương nên đề nghị Tòa án giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Viện kiểm sát, các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Ông Huỳnh L yêu cầu được L1 hôn với bà Lê Thị L1 L1. Đây là vụ án "L1 hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn bà Lê Thị L1 L1 hiện cư trú tại: Tổ 3, ấp Thuận P 3, xã Thuận P, huyện Đồng P, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà L1 vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử, Tòa án đã thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú nhưng vẫn không có tin tức của bà

L1, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L1 là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà L1 kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận P vào năm 2005. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống thì giữa ông L và bà L1 không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau do đó đã L1 thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú thì bà L1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ năm 2018 cho đến nay không về và Tòa án cũng đã Thông báo tìm kiếm vắng mặt và quyết định tuyên bố bà L1 mất tích theo yêu cầu của ông L nhưng bà L1 vẫn không có tin tức gì. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông L và bà L1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông L yêu cầu L1 hôn với bà L1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống ông L và bà L1 có 02 người con chung là Huỳnh Lê T, sinh ngày 08/12/2006 và Huỳnh Lê L D, sinh ngày 29/01/2012, hiện nay các cháu đang ở với ông L, quá trình thu thập chứng cứ các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông L1, hơn nữa bà L1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không còn quan tâm chăm sóc đến con, do đó cần giao 02 con chung cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh L được L1 hôn với bà Lê Thị L1 L1.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là Huỳnh Lê T, sinh ngày 08/12/2006 và Huỳnh Lê L D, sinh ngày 29/01/2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004708 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng P, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đồng P;
- CC THADS huyện Đồng P;
- UBND xã Thuận L;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

